

WORKSHEET: THÌ QUÁ KHỨ ĐƠN

PHẦN 1: LÝ THUYẾT - DẤU HIỆU NHẬN BIẾT

- YESTERDAY** (Hôm qua): Dùng độc lập hoặc kết hợp với các buổi trong ngày.
 - Ví dụ: yesterday morning (sáng hôm qua), yesterday afternoon (chiều hôm qua).
- LAST** (Vừa qua, trước): **LAST + Danh từ chỉ thời gian** (night, week, month, year, Monday,...).
 - Ví dụ: last night (tối qua), last week (tuần trước), last Sunday (Chủ nhật tuần trước).
- AGO** (Cách đây): **Khoảng thời gian + AGO** (luôn đứng ở cuối cụm thời gian).
 - Ví dụ: 2 days ago (2 ngày trước), 3 hours ago (3 giờ trước), a year ago (1 năm trước).

PHẦN 2: BÀI TẬP THỰC HÀNH

Bài 1: Điền "yesterday", "last" hoặc "ago" vào chỗ trống thích hợp:

- I saw a movie two days _____.
- They bought a new car _____ year.
- My sister washed her hair _____ morning.
- The bus left five minutes _____.
- What did you do _____?
- We visited our grandparents _____ Sunday.
- She finished her homework 10 minutes _____.
- He met his old friends _____ night.
- We traveled to London a month _____.
- They had a big party _____ weekend.

Bài 2: Viết dạng quá khứ đơn (V2) của các động từ bất quy tắc sau:

ĐỘNG TỪ (V1)	QUÁ KHỨ (V2)	ĐỘNG TỪ (V1)	QUÁ KHỨ (V2)
am		make	
is		take	
are		see	
do		sleep	
go		keep	
eat		sweep	
have		-	-

Chúc các em làm bài tốt!